

Số: 348/QĐ-BVU

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc mở ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ thạc sĩ
của Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Quyết định số 27/2006/QĐ-TTg ngày 27/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-BVU ngày 01/7/2022 Hội đồng trường Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 289/QĐ-BVU ngày 08/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo sau đại học của Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Nghị quyết số 889/NQ-BVU ngày 15/4/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu phê duyệt chủ trương mở ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ thạc sĩ;



A

Căn cứ Biên bản số 702/BB-BVU ngày 12/4/2024 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu thẩm định Đề án mở ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ thạc sĩ;

Xét đề nghị Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học và Phát triển nguồn nhân lực và Trường khoa Kinh tế biển - Logistics.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ thạc sĩ, mã ngành 8510605 của Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Việc xác định chỉ tiêu, tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, cấp bằng; đánh giá chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, pháp luật liên quan và của Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học và Phát triển nguồn nhân lực, Trường khoa Kinh tế biển - Logistics và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT.



PGS.TS.LS Nguyễn Thị Hoài Phương



**ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH
LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ
CHUỖI CUNG ỨNG TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
MÃ NGÀNH: 8510605**

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	iv
PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	1
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu	1
1.1.1. Thông tin về Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu	1
1.1.2. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên	2
1.1.3. Ngành đào tạo	3
1.1.4. Quy mô đào tạo	3
1.1.5. Tổ chức dạy và học	3
1.1.6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo	3
1.1.7. Kiểm định chất lượng	4
1.2. Nhu cầu về nguồn nhân lực ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ thạc sĩ	4
1.2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực	4
1.2.2. Nhu cầu của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các tỉnh lân cận	5
1.2.3. Nhu cầu của người học	7
1.2.4. Nhu cầu phát triển của Trường	8
1.3. Lý do, sự cần thiết đào tạo thạc sĩ ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	8
PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO	10
2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo	10
2.1.1. Ngành đào tạo	10
2.1.2. Quy mô đào tạo	11
2.1.3. Kết quả đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ cử nhân	11
2.1.4. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong 2 năm gần nhất của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ cử nhân	12
2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu	12
2.2.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học	12
2.2.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	12



2.2.3. Danh sách cán bộ quản lý đối với ngành thạc sĩ Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	13
2.2.4. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo	13
2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.....	13
2.3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy	13
2.3.2. Thư viện.....	14
2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học	14
2.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học	17
2.6. Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo	17
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	19
3.1. Thông tin chung	19
3.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo	19
3.3. Mục tiêu đào tạo.....	20
3.3.1. Mục tiêu chung:.....	20
3.3.2. Mục tiêu cụ thể:.....	21
3.4. Chuẩn đầu ra	21
3.4.1. Chuẩn đầu ra	21
3.4.2. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT	22
3.4.3. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra CTĐT	22
3.5. Tuyển sinh.....	24
3.5.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.	24
3.5.2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển	24
3.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	25
3.6.1. Quy trình đào tạo	25
3.6.2. Điều kiện tốt nghiệp	25
3.6.3. Hướng dẫn, đánh giá và thẩm định học phần tốt nghiệp chương trình định hướng ứng dụng/định hướng nghiên cứu	26
3.7. Thông tin chương trình đào tạo	27
3.8. Khung chương trình đào tạo	27
3.9. Kế hoạch đào tạo chi tiết.....	30
3.9.1. Kế hoạch đào tạo	30

3.9.2. Phân công giảng dạy.....	32
3.10. Mô tả tóm tắt các học phần.....	34
3.11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập.....	41
3.11.1. Phương pháp và phương thức giảng dạy.....	41
3.11.2. Đánh giá kết quả học tập.....	41
3.11.3. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ.....	41
3.11.4. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu.....	41
3.12. Đề cương chi tiết học phần.....	41
PHẦN 4. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN.....	42

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
BRVT	Bà Rịa – Vũng Tàu
BVU	Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CTĐT	Chương trình đào tạo
HV-SV	Học viên – sinh viên
NCKH	Nghiên cứu khoa học



PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

1.1.1. Thông tin về Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

- Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu được thành lập ngày 27/01/2006 theo Quyết định số 27/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tên Tiếng Anh là: Ba Ria – Vung Tau University (tên viết tắt là BVU)

- Địa chỉ: 80 Trương Công Định, phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Điện thoại: 0254 730 5456 – Fax: 0254 730 5456

- Website: www.bvu.edu.vn

- Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu (BVU) hiện đào tạo các trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, kỹ sư, cử nhân và đào tạo đa ngành. BVU xác định sứ mệnh là trường đại học định hướng ứng dụng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên cơ sở liên kết chiến lược giữa nhà trường với doanh nghiệp, giữa đào tạo với sản xuất và dịch vụ.

- Với sứ mệnh như trên, BVU tập trung các giá trị cốt lõi như sau:

+ Nhà trường xác định chất lượng và hiệu quả đào tạo là giá trị hàng đầu, là nguyên tắc và định hướng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), là yếu tố quyết định cho sự mở rộng hợp tác, cạnh tranh và phát triển của nhà trường;

+ Cơ hội việc làm cao cho sinh viên tốt nghiệp là một trong những giá trị cốt lõi mà nhà trường theo đuổi. Sinh viên do trường đào tạo phải được trang bị những năng lực hiện đại và phù hợp nhằm đáp ứng các nhu cầu nhân lực trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh phù hợp với nhu cầu của tỉnh BRVT, của quốc gia, hội nhập khu vực Đông Nam Á và quốc tế;

+ Sáng tạo được coi là đặc tính vô cùng quan trọng của một trường đại học hiện đại trong bối cảnh thay đổi quá nhanh ở Việt Nam cũng như quốc tế. Với giá trị cốt lõi là sáng tạo, Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu mong muốn và cố gắng thích ứng đối với các điều kiện môi trường luôn thay đổi.

Nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT), kế hoạch đào tạo, kế hoạch dạy học cho các ngành. CTĐT của trường được thiết kế theo nội dung kiến thức cũng như các hình thức học tập cho từng môn học. Chương trình ngày càng gắn kết hơn với nhu cầu của thị trường lao động. Các ngành đào tạo có mục tiêu rõ ràng, một số các CTĐT có tham khảo nghiên cứu chương trình chuẩn quốc tế. Có tổ chức các hoạt động giao lưu, tiếp xúc, lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về CTĐT. Nhà trường sớm chú trọng hướng đến việc liên thông giữa các trình độ và liên kết đào tạo giữa các trường trong và ngoài nước.

Trường đào tạo đa ngành; có nhiều phương thức, trình độ đào tạo (chính quy, vừa làm vừa học, liên thông đại học, đại học văn bằng 2, thạc sĩ, tiến sĩ). Xây dựng cơ chế quản lý dữ liệu tập trung ở Phòng Quản lý đào tạo & Đảm bảo chất lượng, dữ liệu về kết quả học tập của sinh viên mang tính thống nhất và bảo mật cao. Trường có đầu tư trang thiết bị phục vụ đổi mới phương pháp dạy và học. Nâng cao số tiết tự nghiên cứu, thực hành trong nhiều môn học. Quy trình tổ chức các kỳ thi được thực hiện nghiêm túc. Trường đã xây dựng mạng nội bộ tra cứu kết quả học tập của người học; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nhập điểm thi cho toàn bộ đối tượng học của các hệ đào tạo, tổ chức bộ phận chuyên trách việc lưu trữ kết quả học tập của học viên, sinh viên toàn trường.

Trường cung cấp thông tin cho người học đầy đủ, kịp thời về mục tiêu đào tạo, CTĐT, yêu cầu kiểm tra đánh giá; người học được phổ biến kịp thời các chế độ chính sách xã hội, được đảm bảo đầy đủ quyền lợi về chăm sóc sức khỏe, điều kiện tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao. Công tác giáo dục chính trị, truyền thống, giáo dục đạo đức lối sống được triển khai bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Công tác Đảng, Đoàn thể được chú trọng. Trường có biện pháp hỗ trợ người học diện chính sách, hoàn cảnh khó khăn, có thành tích học tập và phong trào thông qua các chính sách tài trợ học bổng và miễn giảm học phí. Trường đã xây dựng và phát triển hình thức câu lạc bộ, tạo điều kiện cho người học sinh hoạt và tập luyện văn nghệ, thể thao. Đồng thời, bộ phận tư vấn nghề nghiệp hỗ trợ cho người học định hướng nghề nghiệp.

Về hợp tác quốc tế, hiện Trường đang triển khai các chương trình hợp tác quốc tế: các chương trình trao đổi sinh viên với Trường Đại học Kyoai – Gakuen (Nhật Bản).

Ngày 04/11/2016, trường vinh dự được nhận Huân chương lao động hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng. Trải qua hơn 17 năm xây dựng và phát triển, BVU đã nỗ lực đóng góp nhiều thành tích trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo, NCKH, khẳng định được thương hiệu của mình trong lĩnh vực giáo dục.

1.1.2. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu hiện có 250 cán bộ, giảng viên cơ hữu, chuyên viên, nhân viên, trong đó:

- + Giáo sư: 01 người;
- + Phó giáo sư: 03 người;
- + Tiến sĩ: 32 người;
- + Thạc sĩ: 166 người;
- + Đại học: 22 người.
- + Khác: 26 người.



1.1.3. Ngành đào tạo

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo các trình độ, cụ thể như sau: 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, 05 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 23 ngành đào tạo trình độ cử nhân.

1.1.4. Quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo hiện nay của Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu là 4.279 HV-SV, trong đó:

- Nghiên cứu sinh: 07 Nghiên cứu sinh
- Thạc sĩ: 82 học viên
- Đại học: 4.190 sinh viên

Hiện nay, tất cả các bậc đào tạo của BVU đều được đào tạo theo tín chỉ

1.1.5. Tổ chức dạy và học

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ: Nhà trường đã triển khai đào tạo tín chỉ đối với trình độ đại học và cao đẳng từ năm học 2011 – 2012 đến nay.

Đổi mới phương pháp dạy và học:

- Tập trung nâng cao chất lượng các phần kiến thức: ngoại ngữ, tin học và các kỹ năng bổ trợ; cập nhật kiến thức trong nội dung giảng dạy hàng năm.
- Tập trung tăng cường nội dung thực tập, kiến tập.
- Đẩy mạnh phong trào sinh viên NCKH.

1.1.6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo

Trường đã ứng dụng hệ thống CNTT trong việc quản lý các hoạt động từ năm 2007 và tất cả các dữ liệu đã được số hóa. Năm 2011, Trường đã đầu tư cơ sở hạ tầng và hệ thống phần mềm quản lý quy mô và chuyên nghiệp hơn để phục vụ phát triển. Một số kết quả của việc ứng dụng CNTT như sau:

- Việc xét kết quả lên lớp, tốt nghiệp, học lại, thi lại, học bổng, đánh giá kết quả rèn luyện hoàn toàn dùng CNTT trợ giúp;
- Việc quản lý điểm, quản lý tài chính, quản lý các CTĐT cũng được tin học hóa toàn bộ;
- Toàn bộ thông tin HV-SV, giảng viên, công nhân viên được quản lý qua mạng.
- Việc tổ chức báo giảng, chấm công giờ dạy, điểm danh, thời khóa biểu toàn trường đều được quản lý qua mạng.

1.1.7. Kiểm định chất lượng

Năm 2019, BVU đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục;

Năm 2021, BVU đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng quốc tế 4 sao QS Stars – Anh Quốc;

Ngày 24/3/2023, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn (CEA-SAIGON) công bố Quyết định và trao giấy Chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho 6 CTĐT trình độ đại học của BVU, gồm các ngành: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Công nghệ thông tin, Đông phương học, Kế toán, Ngôn ngữ Anh và Quản trị kinh doanh.

1.2. Nhu cầu về nguồn nhân lực ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ thạc sĩ

1.2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực

Theo Báo cáo Logistics Việt Nam năm 2022 của Bộ Công Thương, dự kiến đến năm 2030, nhu cầu nguồn nhân lực về logistics và chuỗi cung ứng của cả nước là trên 200.000 nhân lực. Trong khi đó, các trường đại học chỉ đáp ứng được 10% nhân lực logistics chất lượng cao. Cũng theo báo cáo này, số lao động được đào tạo bài bản về dịch vụ logistics chỉ chiếm khoảng 5 - 7% số lao động hiện đang làm việc trong lĩnh vực này, nên có thể nói, nguồn nhân lực logistics tại Việt Nam đang thiếu cả về số lượng lẫn chất lượng.

Mặc dù nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng hiện nay khá cao, nhưng trình độ và kỹ năng của nguồn nhân lực hiện nay vẫn chưa đáp ứng được những yêu cầu cơ bản. Theo kết quả khảo sát trong Báo cáo ngành logistics năm 2021, khi được đề nghị đánh giá về chất lượng nhân lực logistics so với yêu cầu của doanh nghiệp, câu trả lời của các doanh nghiệp phản ánh một thực tế không khả quan về chất lượng của tất cả các loại hình nhân lực logistics tại Việt Nam hiện nay, chất lượng của các loại hình nhân lực logistics trên thực tế đều thấp hơn so với đòi hỏi phản ánh yêu cầu của doanh nghiệp. Điều này đồng nghĩa là chất lượng nhân lực logistics hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi của doanh nghiệp. Do đó, việc nâng cao kỹ năng cho nguồn nhân lực ngành logistics và chuỗi cung ứng càng trở nên cấp thiết.

Bên cạnh đó, nhu cầu đào tạo đội ngũ giảng viên chuyên ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy chuyên môn là vấn đề tất yếu. Chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy trong các trường đại học là yếu tố quyết định đối với sự phát triển giáo dục và đào tạo của mỗi trường cũng như toàn bộ hệ thống các trường đại học. Việc giải bài toán nhân lực logistics không thể bỏ qua việc nâng cao trình độ giảng viên - lực lượng nòng cốt đào tạo nhân lực logistics.

Do đó, đào tạo và xây dựng giảng viên có trình độ thạc sĩ ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng luôn là nhu cầu cần thiết cả về số lượng và chất lượng, là lực lượng nhân lực có trình độ cao, có năng lực tổ chức quản lý, điều hành doanh nghiệp hoặc tham gia giảng dạy bậc đại học.

1.2.2. Nhu cầu của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các tỉnh lân cận

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giáp tỉnh Đồng Nai ở phía bắc, giáp tỉnh Bình Thuận ở phía đông, giáp huyện Cần Giờ của Tp. Hồ Chí Minh ở phía tây, còn lại phía nam và đông nam giáp biển. Bà Rịa - Vũng Tàu có diện tích 1.989,6 km² với dân số khoảng 1 triệu người, mật độ dân số 502 người/km².

Tại kì họp thứ XVII, Hội đồng Nhân dân tỉnh khóa VII, nhiệm kì 2020-2025 đã thông qua qui hoạch tỉnh thời kì 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 với nhiều nội dung về phát triển kinh tế - xã hội - môi trường. Theo qui hoạch được thông qua, Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ thực hiện phương châm phát triển “Đột phá - Năng động - Sáng tạo - Bền vững” để xây dựng địa phương phát triển toàn diện; trở thành một trong những khu vực động lực phát triển quan trọng của vùng Đông Nam Bộ; là cửa ngõ hướng ra biển của vùng Đông Nam Bộ và của quốc gia, đến năm 2030 trở thành đô thị loại I trực thuộc Trung ương... Trong đó, địa phương đặt ra những mục tiêu cụ thể để phát triển như: tổ chức không gian phát triển theo 4 vùng chức năng (công nghiệp - cảng biển, du lịch, nông nghiệp và vùng biển - hải đảo). Đi cùng với đó 3 trục động lực phát triển gồm: trục động lực dọc sông Thị Vải gắn với hệ thống giao thông liên cảng và Quốc lộ 51; trục động lực dọc đường cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu và đường Vành đai 4; trục động lực dọc ĐT994 và đường trục kết nối Cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu...

Qua đó, Bà Rịa - Vũng Tàu hướng đến trở thành trung tâm kinh tế biển quốc gia, trung tâm dịch vụ hàng hải của khu vực Đông Nam Á; trung tâm du lịch chất lượng cao đẳng cấp quốc tế... Để đạt các mục tiêu trên, Bà Rịa - Vũng Tàu xác định 4 phương hướng đột phá gồm: hoàn thành các tuyến giao thông kết nối tỉnh với vùng Đông Nam Bộ, thúc đẩy liên kết vùng; hình thành trung tâm logistics cấp quốc gia, thành lập khu thương mại tự do gắn với cảng biển tại khu vực Cái Mép Hạ với các chuẩn mực hàng đầu quốc tế; hình thành các đô thị du lịch với hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, trở thành trung tâm vui chơi giải trí và nghỉ dưỡng xứng tầm quốc tế; hình thành các khu công nghiệp công nghệ cao để thu hút các nhà đầu tư và nguồn nhân lực với công nghệ hiện đại.

Bà Rịa - Vũng Tàu là một tỉnh ven biển với điều kiện tự nhiên thuận lợi, có lợi thế về cảng biển nước sâu, hạ tầng kỹ thuật, giao thông phát triển thuận lợi, thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam - khu vực kinh tế năng động nhất cả nước với hệ thống giao thông kết nối đang được đầu tư hoàn chỉnh, đem đến cho tỉnh nhiều lợi thế cạnh tranh, thu hút nhiều nhà đầu tư đến tìm hiểu và quyết định đầu tư. Là địa phương có nguồn tài nguyên biển phong phú, trong thời gian qua, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã và đang tập trung quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên biển nhằm tạo đòn bẩy để thúc đẩy kinh tế của địa phương. Với ưu thế về cảng, Cái Mép - Thị Vải cũng là cụm cảng duy nhất ở

Việt Nam có các chuyến tàu mẹ trực tiếp đi châu Âu, châu Mỹ và có tần suất đi Mỹ cao nhất Đông Nam Á, xếp vào nhóm 50 cảng biển có sản lượng khai thác container cao nhất thế giới.

Với các điều kiện thuận lợi, ngành logistics đã được xác định trong Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lần thứ VI, lần thứ VII là một trong 4 trụ cột kinh tế của tỉnh; là động lực để thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của Bà Rịa - Vũng Tàu trong thời gian tới.

Đặc biệt, tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 một lần nữa khẳng định tiềm năng của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong lĩnh vực logistics khi xác định, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là khu vực phát triển mạnh các ngành kinh tế biển như cảng biển, logistics. Hình thành khu thương mại tự do gắn với cảng biển tại khu vực Cái Mép Hạ. Tiếp tục phát triển, hiện đại hóa cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải thành cảng quốc tế trung chuyển lớn, có tầm cỡ khu vực châu Á và quốc tế.

Triển khai thực hiện Nghị quyết 24, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được giao xây dựng hai đề án lớn để tạo động lực phát triển ngành logistics, có tác động lan tỏa không chỉ cho Bà Rịa-Vũng Tàu và cho cả vùng Đông Nam Bộ. Đó là, đề án nghiên cứu khu thương mại tự do gắn với cảng biển tại khu vực Cái Mép Hạ và đề án tiếp tục phát triển, hiện đại hóa Cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải thành cảng quốc tế trung chuyển lớn, có tầm cỡ khu vực Châu Á và quốc tế. Dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh được đánh giá là đa dạng, từ vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ khác với hơn 300 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa, dịch vụ kho bãi logistics. Theo số liệu thống kê, hiện nay Bà Rịa - Vũng Tàu có 69 bến cảng được quy hoạch, đến nay đã đưa vào khai thác 48 dự án với công suất 141,5 triệu tấn/năm. Riêng khu vực Cái Mép - Thị Vải có 35 bến cảng, hiện đã đưa vào khai thác 22 bến cảng. Trong đó, 19 dự án chính thức, 3 dự án tạm khai thác. Có 7 cảng container với công suất 6,8 triệu TEU/năm. Dịch vụ hậu cần cảng cũng phát triển không ngừng khi có đến 20 dự án kho bãi logistics đi vào hoạt động với tổng diện tích đất khoảng 224 ha, có 10 dự án đang xây dựng với tổng diện tích khoảng 42 ha.

Hơn 10 năm qua, tốc độ phát triển cảng biển tại Bà Rịa - Vũng Tàu diễn ra nhanh chóng với nhiều dự án được đưa vào khai thác mang lại hiệu quả kinh tế cao. Từ 23 cảng biển đi vào hoạt động năm 2010 thì đến đầu năm 2023 số cảng biển đã nâng lên thành 50, chưa tính đến 69 cảng đã được quy hoạch. Riêng khu vực Cái Mép - Thị Vải có 35 dự án cảng biển được quy hoạch với diện tích 1.606 ha, hiện có 24 dự án đang hoạt động với tổng công suất hơn 142 triệu tấn/năm. Vào tháng 03/2023, Cụm cảng này đã đón được siêu tàu container lớn nhất thế giới có tải trọng 232.000 DWT. Tính đến thời điểm hiện tại, cụm cảng Cái Mép - Thị Vải chiếm hơn 30% lượng hàng hóa xuất khẩu bằng container của cả nước.

ĐẢNG
TỈNH

Trong thời gian tới, ngành dịch vụ vận tải, logistics tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được dự báo sẽ có sự tăng trưởng mạnh mẽ cùng với việc hình thành các tuyến giao thông quan trọng nối liền khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ và lợi thế về khoảng cách của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với sân bay quốc tế Long Thành chỉ khoảng 30 km. Sự phát triển của cảng biển kéo theo lao động trong lĩnh vực này cũng tăng lên. Theo khảo sát, số lao động phục vụ cho một doanh nghiệp cảng biển hiện dao động từ 300 - 1.000 người. Tới đây, nếu 69 dự án cảng đã được quy hoạch đi vào hoạt động thì nguồn nhân lực ngành cần dùng sẽ lên tới hơn 20 nghìn lao động, chưa kể tới nguồn lao động phục vụ trong chuỗi dịch vụ logistics, hậu cần sau cảng.

Như vậy có thể thấy rằng, nhu cầu nguồn nhân lực ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng hiện tại và tương lai đều rất lớn. Nhưng nguồn nhân lực hiện tại còn nhiều hạn chế cả về số lượng lẫn trình độ chuyên môn. Các doanh nghiệp cảng biển cũng cho biết, hiện việc tuyển dụng được các lao động có kỹ năng, trình độ chuyên môn về cảng biển, logistics gặp nhiều khó khăn và mất nhiều thời gian hơn do số lượng ứng cử viên địa phương đáp ứng các yêu cầu đặt ra là quá ít. Đi đôi với việc thiếu về số lượng, do hầu hết người lao động chưa được đào tạo chuyên sâu, nên doanh nghiệp khi tuyển dụng phải mất từ 1-2 năm để đào tạo lại. Kéo theo doanh nghiệp phải mất thêm thời gian và chi phí để đào tạo lại. Chính vì thiếu hụt nguồn nhân lực nên thời gian qua, các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics, chủ yếu chỉ đóng vai trò là nhà cung cấp vệ tinh như cho thuê kho bãi, làm đại lý hải quan, hoặc một vài dịch vụ trong chuỗi giá trị dịch vụ logistics...

Từ đó, lãnh đạo các cơ quan trung ương và địa phương cũng như các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh đặc biệt chú trọng đến chính sách thu hút và đào tạo nhân viên có trình độ quản lý cao phục vụ cho chiến lược phát triển dài hạn của mình. Theo đó, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo - quản lý giỏi, đội ngũ chuyên gia, đội ngũ quản trị doanh nghiệp giỏi. Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng với đòi hỏi đa dạng, đa tầng của công nghệ và trình độ phát triển của các vùng, miền, lĩnh vực, ngành nghề; xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực trình độ cao đối với các ngành lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn, đáp ứng trực tiếp cho nhu cầu của các doanh nghiệp và các nhu cầu thiết yếu khác.

Bên cạnh đó, số lượng các trường đại học, cao đẳng ở các khu vực phía Nam, miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ cũng tăng lên nhanh chóng trong những năm gần đây. Do đó, nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ cao, trong đó nhu cầu được đào tạo ở trình độ thạc sĩ của ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng là rất cần thiết.

1.2.3. Nhu cầu của người học

Nguồn nhân lực trình độ cao luôn được coi là nhân tố quyết định cho sự thành công của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hơn nữa, trong thế giới hiện đại, khi chuyển dần sang nền kinh tế chủ yếu dựa trên tri thức và trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, nguồn nhân lực trình độ cao ngày càng thể hiện vai trò quyết định của nó. Vì vậy, mỗi một cá nhân, mỗi một người học luôn có nhu cầu tự phát triển của bản



thân, không ngừng học hỏi, học lên cao để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Với xu thế nền kinh tế hiện nay thì việc thúc đẩy thương mại quốc tế đang được mở rộng, thúc đẩy chuỗi giá trị toàn cầu tăng trưởng và đạt được những tỷ lệ cao trong những hoạt động liên quan đến xuất nhập khẩu. Vì vậy mà nhân sự trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng phải có sự hiểu biết về dòng tiền, dịch vụ, hàng hóa và dữ liệu toàn cầu. Tất cả những kiến thức này sẽ được giảng dạy trong chương trình Thạc sĩ logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

Như vậy, nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao là các thạc sĩ ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng là rất cần thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và nhu cầu phát triển của đất nước.

1.2.4. Nhu cầu phát triển của Trường

Hòa nhập với xu thế phát triển chung của các trường đại học trên cả nước, cùng với tốc độ phát triển kinh tế của đất nước, việc đào tạo thạc sĩ Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu là hết sức cần thiết, đáp ứng nhu cầu thiết thực vào sự phát triển chung trong lĩnh vực kinh tế xã hội, đa dạng hóa các ngành đào tạo sau đại học của nhà trường, trong đó với ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ thạc sĩ sẽ mở ra khả năng đào tạo đội ngũ giảng viên của trường, đáp ứng nhu cầu người học với yêu cầu ngày càng cao của nền kinh tế hội nhập.

1.3. Lý do, sự cần thiết đào tạo thạc sĩ ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo, việc mở ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng là đa dạng hóa ngành nghề, lĩnh vực đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nền kinh tế đất nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế. Mục tiêu này của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng chính là cơ hội để Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu được nhận nhiệm vụ đào tạo ở bậc cử nhân, xây dựng và triển khai thực hiện CTĐT chuyên ngành ở bậc sau đại học - chương trình thạc sĩ ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, góp phần đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho xã hội.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn chú trọng yếu tố con người, coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển của xã hội. Để phấn đấu đến năm 2025, Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại và thực hiện được mục tiêu phát triển con người, Đảng ta nêu ra quan điểm: "Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển". Đây là khâu đột phá của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025 của Đảng.

Do đó, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế luôn là nhu cầu cấp bách. Xây dựng nhân lực trình độ cao là xây dựng đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ, nhất là các chuyên gia, có trình độ chuyên môn, có đủ năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao và đề xuất những giải pháp

khoa học, xây dựng đội ngũ doanh nhân quản lý doanh nghiệp, có khả năng tổ chức, khả năng cạnh tranh. Đồng thời, đây cũng sẽ là những nhân lực để giảng dạy và đào tạo ra nhân lực là các thạc sĩ, cử nhân.

Như vậy, xét ở tầm vi mô, mở ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ thạc sĩ là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đáp ứng nhu cầu cấp thiết của xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, của thị trường lao động, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, góp phần đào tạo và xây dựng nguồn nhân lực trình độ cao cho xã hội, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo

2.1.1. Ngành đào tạo

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo các trình độ, cụ thể như sau: 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, 05 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 23 ngành đào tạo trình độ cử nhân.

Bảng 2.1. Danh mục các ngành đào tạo tại Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

STT	Tên ngành	Mã ngành	Quyết định mở ngành
I. Trình độ đại học			
1	Công nghệ kĩ thuật điện, điện tử	7510301	1359/QĐ-BGDĐT; 22/3/2006
2	Công nghệ thông tin	7480201	1359/QĐ-BGDĐT; 22/3/2006
3	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	7580201	1542/QĐ-BGDĐT; 28/3/2007
4	Công nghệ kỹ thuật hoá học	7510401	1542/QĐ-BGDĐT; 28/3/2007
5	Công nghệ thực phẩm	7540101	1542/QĐ-BGDĐT; 28/3/2007
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7520103	1311/QĐ-BGDĐT; 16/4/2014
7	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	1430/QĐ-BGDĐT; 17/4/2021
8	Đông Phương học	7310608	1542/QĐ-BGDĐT; 28/3/2007
9	Ngôn ngữ Anh	7220201	1359/QĐ-BGDĐT; 22/3/2006
10	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	1431/QĐ-BGDĐT; 17/4/2021
11	Tâm lý học	7310101	1308/QĐ-BGDĐT; 14/4/2020
12	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	4448/QĐ-BGDĐT; 20/10/2017
13	Kinh doanh quốc tế	7340120	1010/QĐ-BGDĐT; 1/3/2022
14	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	4427/QĐ-BGDĐT; 20/10/2017
15	Quản trị khách sạn	7810201	4907/QĐ-BGDĐT; 12/11/2018
16	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	183/QĐ-BGDĐT; 20/1/2020
17	Điều dưỡng	7720301	2355/QĐ-BGDĐT; 14/8/2020
18	Dược học	7720201	2543/QĐ-BGDĐT; 3/8/2021
19	Luật	7380101	2050/QĐ-BGDĐT; 19/7/2019
20	Kế toán	7340301	1359/QĐ-BGDĐT; 22/3/2006
21	Quản trị kinh doanh	7340101	1359/QĐ-BGDĐT; 22/3/2006

STT	Tên ngành	Mã ngành	Quyết định mở ngành
22	Marketing	7340115	1050/QĐ-BGDĐT; 15/1/2021
23	Tài chính ngân hàng	7340201	1015/QĐ-BGDĐT; 7/1/2021
II. Trình độ thạc sĩ			
1	Quản trị kinh doanh	8340101	40/QĐ-BGDĐT; 7/1/2015
2	Công nghệ thông tin	8480101	4875/QĐ-BGDĐT; 16/11/2015
3	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	8140111	597/QĐ-BGDĐT; 25/2/2016
4	Kỹ thuật hoá học	8520301	5628/QĐ-BGDĐT; 28/12/2018
5	Đông Phương học	8310608	185/QĐ-BGDĐT; 22/1/2019
III. Trình độ tiến sĩ			
1	Quản trị kinh doanh	9340101	357/QĐ-BGDĐT; 25/1/2022

2.1.2. Quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo hiện nay của Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu là 4.279 HV-SV, trong đó:

- Nghiên cứu sinh: 07 Nghiên cứu sinh
- Thạc sĩ: 82 học viên
- Đại học: 4.190 sinh viên
- Liên thông, văn bằng hai và vừa làm vừa học: 183 sinh viên.

2.1.3. Kết quả đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ cử nhân

Từ năm học 2017-2018 đến nay, kết quả tuyển sinh và đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Nhà trường như sau:

Bảng 2.2. Tình hình đào tạo cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (đến tháng 10/2023)

STT	Đợt tuyển sinh	Số sinh viên	Số sinh viên đã công nhận tốt nghiệp
1	2017	63	46
2	2018	139	97
3	2019	120	91
4	2020	154	Đang theo học
5	2021	260	Đang theo học
6	2022	306	Đang theo học
7	2023	345	Đang theo học
	Tổng cộng	1.387	234

2.1.4. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong 2 năm gần nhất của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ cử nhân

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong 2 năm gần nhất của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ cử nhân: Ngành Logistics trình độ cử nhân của trường đã đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực đất nước, đặc biệt tại Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam (vùng kinh tế năng động và phát triển nhất cả nước). Tỷ lệ sinh viên có việc làm trong 2 năm gần nhất sau khi tốt nghiệp là 100%.

2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu hiện có 250 cán bộ, giảng viên cơ hữu, chuyên viên, nhân viên, trong đó:

- + Giáo sư: 01 người;
- + Phó giáo sư: 03 người;
- + Tiến sĩ: 32 người;
- + Thạc sĩ: 166 người;
- + Đại học: 22 người.
- + Khác: 26 người.

Cán bộ, giảng viên của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng gồm có 19 người, trong đó:

- + Giáo sư: 01 người;
- + Tiến sĩ: 05 người;
- + Thạc sĩ: 12 người;
- + Cử nhân/kỹ sư: 01 người.

2.2.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học

Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong CTĐT của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo.

Danh sách giảng viên, nhà khoa học được trình bày trong Biểu mẫu 1 – Phụ lục 03 của đề án.

2.2.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được trình bày trong Biểu mẫu 2 – Phụ lục 03 của đề án.

2.2.3. Danh sách cán bộ quản lý đối với ngành thạc sĩ Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

Danh sách cán bộ quản lý đối với ngành thạc sĩ Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được trình bày trong Biểu mẫu 3 – Phụ lục 03 của đề án.

2.2.4. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

Bảng 2.2.4. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
I. Cán bộ phụ trách quản lý chuyên môn				
1	TS. Mai Xuân Thiệu	Tiến sĩ-1988	Tổ chức quản lý Kinh tế biển Logistics	
2	GS.TS Hoàng Văn Châu	GS.TS-1993	Kinh tế Thế giới và Quan hệ Kinh tế Quốc tế	
3	TS. Đặng Lợi Hoan	Tiến sĩ-2022	Quản trị Kinh doanh	
4	TS. Triệu Hồng Cẩm	Tiến sĩ-2003	Kinh doanh Quốc tế	
5	TS. Lê Phúc Hòa	Tiến sĩ-2008	Tổ chức và Quản lý vận tải	
6	TS. Nguyễn Thị Đức Loan	Tiến sĩ-2020	Kinh doanh và quản lý	
7	TS. Lê Kinh Nam	Tiến sĩ-2015	Triết học	
8	TS. Lê Thị Vĩnh Thanh	Tiến sĩ-2023	Khoa học máy tính	
II. Cán bộ phụ trách quản lý hành chính				
1	TS. Võ Minh Hùng, 1982, Viện trưởng	Tiến sĩ-2014	Lịch sử thế giới	
2	ThS. Phan Thị Hương Giang, 1981, Chuyên viên	Thạc sĩ-2007	Lịch sử Việt Nam	
3	ThS. Trần Thị Duyên, 1982, Chuyên viên	Thạc sĩ-2008	Sinh học	

2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

2.3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

- Phòng học: Diện tích lớp học của trường hiện có là 9.287,67 m² với 153 phòng. Các giảng đường, phòng học được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, cassette, và hệ thống điều hoà nhiệt độ.

- Phòng thực hành: Trường hiện trang bị 24 phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, luyện tập.

Danh mục phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy được trình bày trong Biểu mẫu 6 – Phụ lục 03 của đề án.

2.3.2. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 370 m² trong đó diện tích phòng đọc: 175 m²
- Số chỗ ngồi: 100; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 12
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0, DSPACE 5.9
- Thư viện điện tử: truy cập qua Cổng thông tin thư viện <https://bv.edu.vn/thu-vien/>

Tại đây, giảng viên, HV-SV của Trường có thể tra cứu tất cả tài liệu truyền thống của Thư viện thông qua Thư mục trực tuyến OPAC-Libol (<https://lib.bv.edu.vn/>) với hơn 12.500 đầu sách; tra cứu hơn 16.500 tài liệu số, tài liệu nội sinh của Trường bằng phần mềm DSPACE (<http://thuvienso.bv.edu.vn/>); truy cập, sử dụng hơn 2,2 triệu tài liệu tên trang tài liệu số do Trường ký hợp đồng liên kết với Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến VINA - Tailieu.vn (<http://tailieu.bv.edu.vn/>).

Ngoài ra, giảng viên và sinh viên còn được kết nối – truy cập đến Thư viện số của 70 Trường Đại học thông qua Trung tâm Kết nối Tri thức số thuộc Liên chi hội Thư viện Đại học phía Bắc (NALA).

Thống kê số lượng tài liệu:

- Tài liệu truyền thống (quản lý bằng phần mềm Libol 6.0): 12.624 nhan đề/ 31.922 bản
- Tài liệu số, tài liệu nội sinh (quản lý bằng DSPACE 5.9): 16.671 tài liệu
- Liên kết với Tailieu.vn: hơn 2,2 triệu tài liệu

Thư viện Nhà trường có nguồn tài liệu, giáo trình phong phú, được trang bị máy tính để truy cập và khai thác nguồn tài nguyên thông tin. Phần mềm quản lý thư viện được sử dụng và phát huy có hiệu quả trong quá trình lưu trữ, quản lý, khai thác và sử dụng tài liệu. Giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo ngành đăng ký đã được trang bị đầy đủ, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu đọc, tra cứu của sinh viên và cán bộ giảng viên. Ngoài ra nhà trường còn liên kết với Thư viện số của nhiều trường đại học khác để làm phong phú thêm nguồn tài nguyên thông tin, phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu và giảng dạy trong nhà trường.

Danh mục tài liệu, giáo trình của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được trình bày trong Biểu mẫu 7,8 – Phụ lục 03 của đề án.

2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu nằm trong địa phương có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế, bao gồm du lịch biển, nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản, cảng biển

và logistics,... Nhà trường nhận định rõ vai trò dẫn đầu, tiên phong của Nhà trường đối với hoạt động khoa học công nghệ của Tỉnh nhà, xác định mục tiêu đào tạo và NCKH phục vụ cho việc cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương và toàn quốc.

Mục tiêu hàng đầu của Trường là đào tạo ra nguồn nhân lực có trình độ cao. Để đạt được mục tiêu đó, Nhà trường xác định nhiệm vụ hàng đầu là nâng cao chất lượng đào tạo, hoạt động đào tạo gắn liền với NCKH, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế. Chính vì vậy, Nhà trường luôn chú trọng, quan tâm đến công tác NCKH và chuyển giao công nghệ.

Với những bước chuyển mình tích cực và luôn thay đổi cập nhật không ngừng trong hoạt động khoa học công nghệ qua hơn 17 năm hình thành và phát triển, Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu đã đạt được các kết quả khả quan và tích cực về hoạt động khoa học công nghệ đáng kể như: thực hiện một hợp đồng dự án nghiên cứu thử nghiệm cấp quốc gia, các hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh/ thành phố đã và đang được nghiệm thu, chuyển giao công nghệ; hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, hợp tác nghiên cứu với các cơ sở đào tạo nước ngoài, hợp đồng tư vấn khoa học kỹ thuật,...

Về chuyển giao công nghệ, trong hai năm 2017 và 2018, BVU đã tiến hành chuyển giao 03 công nghệ bao gồm: 1) Quy trình sản xuất chocolate từ bột nhão; 2) Sử dụng vi sinh để lên men hạt cacao; 3) Quy trình sản xuất tinh dầu bạch đàn. Các sản phẩm này đều được thương mại hóa sau khi chuyển giao công nghệ. Từ năm 2018, kết quả nghiên cứu thiết kế và chế tạo hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước đã được ứng dụng thử nghiệm tại sông Chà Và – tỉnh BRVT và phục vụ nuôi trồng thủy sản tại tỉnh BRVT.

Nhà trường còn có một số khối lượng khá lớn các giải thưởng NCKH của Tỉnh, Sở, Bộ và Quốc gia. Ngoài BVU đạt nhiều giải thưởng từ các cuộc thi do Nhà trường tổ chức, tạo sân chơi về NCKH cho sinh viên và cán bộ, giảng viên thì còn có hơn 100 giải thưởng từ các cuộc thi NCKH cấp tỉnh, thành phố, toàn quốc mà cán bộ giảng viên và sinh viên của trường đã đạt được, trong đó có những giải thưởng cao như giải Nhì Hội thi khoa học sinh viên toàn quốc “Olympic Kinh tế lượng và ứng dụng” trong 4 năm liền, giải Nhì và Ba cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Tỉnh BRVT năm 2017, giải Nhì ở cuộc thi Ý tưởng khoa học công nghệ tỉnh BRVT, giải Ba cuộc thi sáng tạo kỹ thuật Tỉnh BRVT,...

Đến nay, đã có hơn 170 đề tài NCKH cấp trường đang được thực hiện, trong đó có 27 đề tài NCKH đạt giải Ý tưởng khoa học công nghệ cấp tỉnh và có 9 đề tài đạt giải sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, 1 đề tài là dự án sản xuất thử nghiệm cấp quốc gia và 2 đề tài là dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh; hơn 700 bài công bố trên các tạp chí/ kỷ yếu trong và ngoài nước. Trong số các công bố thuộc Nhà trường, có hơn 200 bài công bố trên các tạp chí/ kỷ yếu quốc tế, đặc biệt có hơn 40 bài thuộc hệ thống ISI/Scopus, 350 bài công bố trên các tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước.

Trong giai đoạn 5 năm gần đây, Nhà trường đã xuất bản 9 số Tập san Khoa học và Đào tạo; 3 kỷ yếu hội thảo, nghiệm thu hơn 70 giáo trình và xuất bản 03 số Tạp chí khoa học Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu. Sự ra đời của Tạp chí góp phần hoàn thiện năng lực và chất lượng nghiên cứu của giảng viên, bồi dưỡng và chuẩn bị những kỹ năng, điều kiện, chuẩn mực cần thiết để hội nhập với cộng đồng NCKH của khu vực, nâng cao uy tín và vị thế của Nhà trường.

Hoạt động hội thảo, hội nghị, tọa đàm về NCKH cũng được Nhà trường quan tâm và tổ chức thường niên, tạo cơ hội, môi trường trao đổi và phát triển về học thuật và nghiên cứu. Những năm gần đây, Nhà trường tăng cường kết nối với các tổ chức uy tín để đồng tổ chức các hội thảo khoa học có tính học thuật cao và quy mô lớn như: Hội nghị Quốc tế "Thiết bị nông nghiệp thông minh 2015", Hội thảo quốc tế "Hệ thống và ứng dụng cảm ngữ cảnh" ICCASA 2015; Hội nghị quốc tế và công nghệ thực phẩm - ASEAN FOOD 2017; Hội thảo quốc gia về phát triển du lịch trong thời đại 4.0 2018; phối hợp với Viện Nghiên cứu máy tính thế hệ mới Hàn Quốc (KING) tổ chức Hội thảo quốc tế "Máy tính thế hệ mới lần thứ 4 năm 2018"; Hội thảo quốc tế "Phát triển Logistics Việt Nam ngang tầm quốc tế" 2022; Hội thảo quốc tế thường niên kinh tế lượng lần thứ năm – ECONVN 2022; Hội thảo quốc gia "Kế toán và Tài chính – Ngân hàng trong nền kinh tế số" 2022; Hội thảo quốc gia "Giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững" 2023; Hội thảo quốc tế "Đào tạo nhân lực phát triển logistics và hệ thống cảng biển Cái Mép - Thị Vải ngang tầm quốc tế" 2023.

Bảng 2.4. Danh mục hội thảo về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng do Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu tổ chức

STT	Tên hội thảo	Loại hội thảo	Thời gian thực hiện
1	Đào tạo nhân lực phát triển Logistics và hệ thống cảng biển Cái Mép - Thị Vải ngang tầm quốc tế	Quốc tế	2023
2	Nhu cầu và giải pháp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao Cảng biển và Logistics Việt Nam	Quốc gia	2022
3	Phát triển Logistics Việt Nam ngang tầm quốc tế	Quốc tế	2021
4	Đào tạo nguồn nhân lực Logistics đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế	Quốc gia	2020

Với các kết quả như trên, có thể thấy được sự đổi mới, phát triển khoa học công nghệ của nhà trường trong chặng đường hơn 17 năm hình thành và phát triển. Lãnh đạo Nhà trường cùng tập thể cán bộ giảng viên và HV-SV đã luôn cố gắng không ngừng trong công cuộc xây dựng và phát triển hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường.

Cụ thể năng lực NCKH của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

- Danh mục các đề tài NCKH của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được trình bày trong Biểu mẫu 4 – Phụ lục 03 của đề án.

- Danh mục các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ thạc sĩ được trình bày trong Biểu mẫu 5 – Phụ lục 03 của đề án.

2.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Xác định lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng là lĩnh vực đào tạo mũi nhọn cung ứng nguồn nhân lực cho địa phương và cả nước, Nhà trường đã đi đến kí kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác với mong muốn hợp tác sâu rộng trong hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

Bảng 2.5. Danh sách các đối tác quốc tế đã ký kết về liên kết đào tạo trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

STT	Đối tác	Năm kí kết
1	Đại học Humphreys (Mỹ)	2020
2	Mạng lưới tri thức Đức - Châu Á về vận tải biển (AGKN)	2021
3	The Bremen Research Cluster of Dynamics in Logistics at the university of Bremen	2021

Dựa trên các thỏa thuận hợp tác Nhà trường và đối tác mong muốn đi đến các hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên; tham gia giảng dạy, xây dựng CTĐT, tổ chức hội nghị, hội thảo và NCKH... nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín của Nhà trường trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Trên thực tế, Nhà trường đã phối hợp với Mạng lưới tri thức Đức - Châu Á về vận tải biển (AGKN) và trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo quốc tế với chủ đề “Phát triển logistics Việt Nam ngang tầm quốc tế”. Năm 2015, TS Carthetine Yap Co (Mỹ) đã tham gia với vai trò diễn giả tại Tọa đàm với nội dung “Hiểu về hệ thống mậu dịch đa phương: “Việt Nam trong hệ thống mậu dịch thế giới”.

Ngoài ra, Nhà trường đã kí kết với doanh nghiệp tại Nhật Bản để liên kết đưa sinh viên sang Nhật bản thực tập tốt nghiệp theo chương trình thực tập sinh (internship) trong lĩnh vực logistics, ví dụ như Công ty Cổ phần Sunlight và một số doanh nghiệp khác của Nhật Bản.

2.6. Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo

Với định hướng đào tạo ứng dụng, Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu nói chung và ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng nói riêng luôn chú trọng công tác kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp trong ngành nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tăng cường trải nghiệm thực tế cho sinh viên. Nhà trường đã đi đến kí kết thỏa thuận hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

Bảng 2.6. Danh sách các tổ chức, doanh nghiệp đã ký kết về liên kết đào tạo trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

STT	Đối tác	Năm ký kết
1	Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải	2017
2	Công ty Vinalink Logistics	2017
3	Công Ty CP Dầu khí Đầu tư khai thác Cảng Phước An	2019
4	Viện nghiên cứu phát triển Logistics Việt Nam	2022
5	Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng	2022
6	Viện Quản trị Logistics toàn cầu	2022
7	Công ty cổ phần Cảng tổng hợp Thị Vải	2022



PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Thông tin chung

3.1.1. Tên chương trình đào tạo: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

3.1.2. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

3.1.3. Ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
- Tên tiếng Anh: Logistics and Supply Chain Management

3.1.4. Mã ngành: 8510605

3.1.5. Hình thức đào tạo: Chính quy (theo định hướng Ứng dụng/ Nghiên cứu)

3.1.6. Thời gian đào tạo: 18 tháng

3.1.7. Tổng khối lượng kiến thức: 60 tín chỉ

3.1.8. Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
- Tên tiếng Anh: Master of Logistics and Supply Chain Management

3.1.9. Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

3.1.10. Vị trí việc làm, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Học viên sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ có thể đảm nhận các công việc:

- Quản lý cấp trung và cấp cao trong các doanh nghiệp Logistics, cảng biển, công ty xuất nhập khẩu, công ty giao nhận, vận tải quốc tế công ty hàng hải, hàng không...
- Quản lý cấp trung và cấp cao trong các công ty sản xuất, các chuỗi bán lẻ và các công ty thương mại điện tử.
- Giảng viên trong các trường đại học đào tạo về lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng;
- Nghiên cứu viên hoặc một số các vị trí quản lý trong các viện nghiên cứu;
- Cán bộ quản lý điều hành một số lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước.
- Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp: Học viên có khả năng học lên Tiến sĩ.

3.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

1. Luật Giáo dục đại học ngày 9/11/2018; 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

2. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

3. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

4. Quyết định 1982/QĐ-TTg 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

5. Quyết định số 27/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 1 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu;

6. Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học”;

7. Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

8. Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

9. Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 22 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

10. Quyết định số 03/QĐ-BVU ngày 01 tháng 7 năm 2022 Hội đồng trường Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu;

11. Quy chế đào tạo sau đại học trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 289/QĐ-BVU ngày 08/10/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu;

12. Nghị quyết số 889/NQ-BVU ngày 15/4/2023 của Hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ thạc sĩ.

3.3. Mục tiêu đào tạo

3.3.1. Mục tiêu chung:

Mục tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng là đào tạo học viên:

- Phát triển kiến thức và những kỹ năng cần có để trở thành nhà quản lý Logistics và chuỗi cung ứng năng động và thành đạt trong môi trường kinh doanh cạnh tranh, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm đối với xã hội.

- Có kỹ năng thực hành ở mức độ thành thạo để tổ chức, điều hành các lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế.
- Người học có năng lực nghiên cứu hệ thống Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- Có thể trở thành các cán bộ giảng dạy, nghiên cứu, chuyên viên có trình độ cao, làm việc ở các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, tổ chức, doanh nghiệp về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trong mọi thành phần kinh tế.

3.3.2. Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu	Mô tả
Kiến thức	
PO1	Có kiến thức khoa học về triết học, nghiên cứu khoa học và khả năng ngoại ngữ tốt
PO2	Có kiến thức chuyên sâu về khoa học quản lý, đặc biệt là Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp logistics, các cảng biển, các nhà máy sản xuất công nghiệp, công ty xuất nhập khẩu, công ty giao nhận.
PO3	Có kiến thức cơ bản về pháp luật logistics, hiểu và áp dụng đúng các qui định của pháp luật vào thực tế công tác Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
Kỹ năng	
PO4	Có kỹ năng độc lập trong nghiên cứu và thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, kỹ năng quản lý và điều hành trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PO5	Có thái độ tự học tập, nâng cao trình độ chuyên môn theo yêu cầu của công tác và tham gia hướng dẫn, đào tạo cho các loại hình nhân lực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

3.4. Chuẩn đầu ra

3.4.1 Chuẩn đầu ra

Nhóm CDR	Mã CDR	Chi tiết
Kiến thức	PLO1	Phân tích kiến thức thực tế và lý thuyết về triết học, phương pháp nghiên cứu.
	PLO2	Đánh giá kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, so sánh các nguyên lý, học thuyết với thực tế trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
	PLO3	Phân tích được các vấn đề chuyên sâu trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và liên quan.
Kỹ năng	PLO4	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
	PLO5	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để ra ra các giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.

Nhóm CDR	Mã CDR	Chi tiết
	PLO6	Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn khoa học về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng với người ngành cùng và khác ngành.
Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	PLO7	Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc độc lập với lập chính trị vững vàng, tự chủ về ngoại ngữ và Phương pháp nghiên cứu kinh doanh để giải quyết vấn đề độc lập, triển khai thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng được giao.
	PLO8	Thực hiện được việc tổ chức làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề độc lập, triển khai thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn được giao.
	PLO9	Thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ những yêu cầu nghề nghiệp, chịu trách nhiệm với xã hội, tôn trọng pháp luật.

3.4.2. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)									Tổng
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
PO1	X		X	X	X	X	X	X	X	8
PO2	X		X	X	X	X	X	X	X	8
PO3	X		X	X	X	X	X	X	X	8
PO4		X	X	X	X	X	X	X	X	8
PO5		X	X	X	X	X	X	X	X	8
Tổng	3	2	5	5	5	5	5	5	5	

3.4.3. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra CTĐT

TT	Học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)									Tổng CDR đáp ứng
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	
A. Định hướng nghiên cứu												
I	Khối kiến thức chung	4										
	Học phần bắt buộc											
1	Triết học	4	x			x			x	x	x	5
II	Khối kiến thức chuyên ngành	32										
a.	Học phần bắt buộc	28										
1	Quản trị vận tải đa phương thức	4		x	x		x	x		x	x	6
2	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	4		x	x		x	x		x	x	6

TT	Học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)									Tổng CĐR đáp ứng		
			1	2	3	4	5	6	7	8	9			
3	Quản lý giao nhận vận tải quốc tế	4		x	x			x	x			x	x	6
4	Phân tích dữ liệu kinh doanh	4		x	x			x	x			x	x	6
5	Hải quan trong thương mại quốc tế	2		x	x			x	x			x	x	6
6	Bảo hiểm vận tải quốc tế	2		x	x			x	x			x	x	6
7	Quản trị xuất nhập khẩu	2		x	x	x			x	x	x	x	x	7
8	Quản trị kho hàng và trung tâm phân phối	2		x	x			x	x			x	x	6
9	Pháp lý doanh nghiệp và pháp luật kinh doanh	4		x	x			x	x			x	x	6
b.	Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)	4												
1	Quản lý Logistics cảng biển quốc tế	2		x	x			x	x			x	x	6
2	Vận tải biển quốc tế	2		x	x			x	x			x	x	6
3	Quản lý Logistics cảng hàng không	2		x	x			x	x			x	x	6
4	Vận tải hàng không quốc tế	2		x	x			x	x			x	x	6
III	Nghiên cứu khoa học	24												
1	Chuyên đề Xu thế phát triển của Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
2	Chuyên đề Hội nhập kinh tế quốc tế	2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
3	Chuyên đề Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
4	Chuyên đề Phương pháp viết Luận văn thạc sĩ	2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
5	Luận văn thạc sĩ	15	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
B. Định hướng ứng dụng														
I	Khối kiến thức chung	4												
	Học phần bắt buộc													
1	Triết học	4	x			x				x	x	x		5
II	Khối kiến thức chuyên ngành	32												
a.	Học phần bắt buộc	28												
1	Quản trị vận tải đa phương thức	4		x	x			x	x			x	x	6



TT	Học phần	Số TC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)									Tổng CDR đáp ứng		
			1	2	3	4	5	6	7	8	9			
2	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	4		x	x			x	x			x	x	6
3	Quản lý giao nhận vận tải quốc tế	4		x	x			x	x			x	x	6
4	Phân tích dữ liệu kinh doanh	4		x	x			x	x			x	x	6
5	Hải quan trong thương mại quốc tế	2		x	x			x	x			x	x	6
6	Bảo hiểm vận tải quốc tế	2		x	x			x	x			x	x	6
7	Quản trị xuất nhập khẩu	2		x	x	x			x	x		x	x	7
8	Quản trị kho hàng và trung tâm logistics	2		x	x			x	x			x	x	6
9	Pháp lý doanh nghiệp và pháp luật kinh doanh	4		x	x			x	x			x	x	6
b.	Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)	4												
1	Quản lý Logistics cảng biển quốc tế	2		x	x			x	x			x	x	6
2	Vận tải biển quốc tế	2		x	x			x	x			x	x	6
3	Quản lý Logistics cảng hàng không	2		x	x			x	x			x	x	6
4	Vận tải hàng không quốc tế	2		x	x			x	x			x	x	6
III	Thực tập & Tốt nghiệp	24												
1	Chuyên đề Tọa đàm thực tiễn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
2	Thực tập 1	6	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
3	Thực tập 2	3	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
4	Chuyên đề Hướng dẫn thực hiện Đề án tốt nghiệp	2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
5	Đề án tốt nghiệp	9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	9
	Tổng cộng	60	5	16	16	7	16	17	7	16	16			

3.5. Tuyển sinh

3.5.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

3.5.2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a. Đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (Đối với thí sinh tốt

ngành các ngành không phù hợp thì phải bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển theo Phụ lục 01).

b. Yêu cầu ứng viên phải có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Phụ lục 02).

Ứng viên tham dự xét tuyển đáp ứng một trong các điều kiện sau thì được miễn thi học phần Ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.

- Có bằng đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ GD&ĐT đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cấp bằng.

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ GD&ĐT, theo bảng quy đổi dưới đây, trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ, được cấp bởi các cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép hoặc công nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng Tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).

3.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

3.6.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện theo học chế tín chỉ phù hợp Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ; Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ của trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo thạc sĩ được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.

3.6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ; Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ của trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu.

3.6.3. Hướng dẫn, đánh giá và thẩm định học phần tốt nghiệp chương trình định hướng ứng dụng/định hướng nghiên cứu

a. Học viên theo học chương trình định hướng ứng dụng phải thực hiện một học phần tốt nghiệp 9 tín chỉ dưới hình thức đề án, hoặc dự án (sau đây gọi chung là đề án). Học viên thực hiện đề án trong thời gian ít nhất 03 tháng.

b. Đề án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

c. Báo cáo đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề của học viên;

- Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

- Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liên chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

d. Học viên theo học chương trình định hướng nghiên cứu phải thực hiện một học phần tốt nghiệp 15 tín chỉ dưới hình thức luận văn tốt nghiệp. Các hướng nghiên cứu có thể lựa chọn như sau:

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn
1	Logistics và vận tải đa phương thức	GS.TS Hoàng Văn Châu
2	Giải pháp đẩy mạnh xuất nhập khẩu Việt Nam	GS.TS Hoàng Văn Châu
3	Chiến lược phát triển ngành Logistics	TS. Mai Xuân Thiệu
4	Phát triển nguồn nhân lực Logistics	TS. Mai Xuân Thiệu
5	Triển khai giải pháp chuỗi cung ứng	TS. Nguyễn Văn Hình
6	Quản lý hiệu quả vận tải hàng không	TS. Đặng Lợi Hoan
7	Hệ thống mạng lưới cảng biển Việt Nam và quốc tế	TS. Lê Phúc Hòa
8	Vận chuyển đường biển và bảo hiểm ngoại thương	TS. Lê Phúc Hòa
9	Kinh doanh quốc tế	TS. Triệu Hồng Cẩm
10	Chuỗi cung ứng quốc tế	TS. Triệu Hồng Cẩm

3.7. Thông tin chương trình đào tạo

3.7.1. Tổng thời gian đào tạo: 18 tháng

3.7.2. Tổng khối lượng học tập, nghiên cứu: 60 tín chỉ (Một tín chỉ lý thuyết bằng 15 tiết học trên lớp và 30 tiết tự học. Một tín chỉ: thực hành bằng 30 tiết. Mỗi tiết giảng trong 50 phút).

3.7.3. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tiết	PHÂN BỐ		Tỷ lệ (%)
				Lý thuyết tại lớp và online	Làm việc nhóm và tự học	
				70%	30%	
I	Định hướng nghiên cứu	60	900	453	447	100
1	Kiến thức chung	4	60	42	18	6,67
2	Kiến thức chuyên ngành	32	480	336	144	53,33
3	Nghiên cứu khoa học	24	360	75	285	40
II	Định hướng ứng dụng	60	900	399	501	100
1	Kiến thức chung	4	60	42	18	6,67
2	Kiến thức chuyên ngành	32	480	336	144	53,33
3	Thực tập & Tốt nghiệp.	24	360	21	339	40

3.8. Khung chương trình đào tạo

Stt	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Số tiết	PHÂN BỐ	
					Lý thuyết tại lớp và online	Làm việc nhóm và tự học
					70%	30%
A	Định hướng nghiên cứu					
I	Khối kiến thức chung		4	60	42	18
	Học phần bắt buộc					
1	Triết học	060018	4	60	42	18
II	Khối kiến thức chuyên ngành		32	480	336	144
a.	Học phần bắt buộc		28	420	294	126
1	Quản trị vận tải đa phương thức	124253	4	60	42	18

Stt	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Số tiết	PHÂN BỐ	
					Lý thuyết tại lớp và online	Làm việc nhóm và tự học
					70%	30%
2	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	124249	4	60	42	18
3	Quản lý giao nhận vận tải quốc tế	124247	4	60	42	18
4	Phân tích dữ liệu kinh doanh	124248	4	60	42	18
5	Hải quan trong thương mại quốc tế	124254	2	30	21	9
6	Bảo hiểm vận tải quốc tế	124246	2	30	21	9
7	Quản trị xuất nhập khẩu	124245	2	30	21	9
8	Quản trị kho hàng và trung tâm logistics	124252	2	30	21	9
9	Pháp lý doanh nghiệp và pháp luật kinh doanh	124264	4	60	42	18
b.	Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)		4	60	42	18
1	Quản lý Logistics cảng biển quốc tế	124255	2	30	21	9
2	Vận tải biển quốc tế	124256	2	30	21	9
3	Quản lý Logistics cảng hàng không	124257	2	30	21	9
4	Vận tải hàng không quốc tế	124258	2	30	21	9
III	Nghiên cứu khoa học		24	360	75	285
1	Chuyên đề Xu thế phát triển của Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	124265	3	45	30	15
2	Chuyên đề Hội nhập kinh tế quốc tế	124266	2	30	15	15
3	Chuyên đề Phương pháp nghiên cứu khoa học	124244	2	30	15	15
4	Chuyên đề Phương pháp viết Luận văn thạc sĩ	124262	2	30	15	15
5	Luận văn thạc sĩ	124261	15		0	225
	Tổng cộng		60	900	453	447



Stt	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Số tiết	PHÂN BỐ	
					Lý thuyết tại lớp và online	Làm việc nhóm và tự học
					70%	30%
B	Định hướng ứng dụng					
I	Khối kiến thức chung		4	60	42	18
	Học phần bắt buộc					
1	Triết học	060018	4	60	42	18
II	Khối kiến thức chuyên ngành		32	480	336	144
a.	Học phần bắt buộc		28	420	294	126
1	Quản trị vận tải đa phương thức	124253	4	60	42	18
2	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	124249	4	60	42	18
3	Quản lý giao nhận vận tải quốc tế	124247	4	60	42	18
4	Phân tích dữ liệu kinh doanh	124248	4	60	42	18
5	Hải quan trong thương mại quốc tế	124254	2	30	21	9
6	Bảo hiểm vận tải quốc tế	124246	2	30	21	9
7	Quản trị xuất nhập khẩu	124245	2	30	21	9
8	Quản trị kho hàng và trung tâm logistics	124252	2	30	21	9
9	Pháp lý doanh nghiệp và pháp luật kinh doanh	124264	4	60	42	18
b.	Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)		4	60	42	18
1	Quản lý Logistics cảng biển quốc tế	124255	2	30	21	9
2	Vận tải biển quốc tế	124256	2	30	21	9
3	Quản lý Logistics cảng hàng không	124257	2	30	21	9
4	Vận tải hàng không quốc tế	124258	2	30	21	9
III	Thực tập & Tốt nghiệp		24	360	21	339
1	Chuyên đề Tọa đàm thực tiễn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	124263	4	60	60	60

Stt	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Số tiết	PHÂN BỐ	
					Lý thuyết tại lớp và online	Làm việc nhóm và tự học
					70%	30%
2	Thực tập 1	124267	6	90	90	90
3	Thực tập 2	124268	3	45	45	45
4	Chuyên đề Hướng dẫn thực hiện Đề án tốt nghiệp	124259	2	30	21	9
5	Đề án tốt nghiệp	124260	9	135		135
	Tổng cộng		60	900	399	501

3.9. Kế hoạch đào tạo chi tiết

3.9.1. Kế hoạch đào tạo

a. Kế hoạch đào tạo định hướng nghiên cứu

Stt	Tên học phần	Mã số học phần	Tổng Tín chỉ/tiết	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
I	Học kỳ 1		20/300	
1	Triết học	060018	4/60	
2	Quản trị vận tải đa phương thức	124253	4/60	
3	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	124249	4/60	
4	Quản lý giao nhận vận tải quốc tế	124247	4/60	
5	Phân tích dữ liệu kinh doanh	124248	4/60	
II	Học kỳ 2		20/300	
a.	Học phần bắt buộc		16/240	
1	Hải quan trong thương mại quốc tế	124254	2/30	
2	Bảo hiểm vận tải quốc tế	124246	2/30	124247(a)
3	Quản trị xuất nhập khẩu	124245	2/30	124247(a)
4	Quản trị kho hàng và trung tâm logistics	124252	2/30	
5	Pháp lý doanh nghiệp và pháp luật kinh doanh	124264	4/60	
6	Chuyên đề Hội nhập kinh tế quốc tế	124266	2/30	
7	Chuyên đề Phương pháp nghiên cứu khoa học	124244	2/30	

Stt	Tên học phần	Mã số học phần	Tổng Tín chỉ/tiết	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
b.	Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)		4/60	
1	Quản lý Logistics cảng biển quốc tế	124255	2/30	124247(a)
2	Vận tải biển quốc tế	124256	2/30	124247(a)
3	Quản lý Logistics cảng hàng không	124257	2/30	124247(a)
4	Vận tải hàng không quốc tế	124258	2/30	
	Học kỳ 3		20/300	
1	Chuyên đề Xu thế phát triển của Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	124265	3/45	
2	Chuyên đề Phương pháp viết Luận văn thạc sĩ	124262	2/30	124245(a)
3	Luận văn thạc sĩ	124261	15/225	124245(a)
	Tổng cộng		60/900	

b. Kế hoạch đào tạo định hướng ứng dụng

Stt	Tên học phần	Mã số học phần	Tổng Tín chỉ/tiết	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
I	Học kỳ 1		20/300	
1	Triết học	060018	4/60	
2	Quản trị vận tải đa phương thức	124253	4/60	
3	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	124249	4/60	
4	Quản lý giao nhận vận tải quốc tế	124247	4/60	
5	Phân tích dữ liệu kinh doanh	124248	4/60	
II	Học kỳ 2		20/300	
a.	Học phần bắt buộc		16/240	
1	Hải quan trong thương mại quốc tế	124254	2/30	
2	Bảo hiểm vận tải quốc tế	124246	2/30	124247(a)
3	Quản trị xuất nhập khẩu	124245	2/30	124247(a)
4	Quản trị kho hàng và trung tâm logistics	124252	2/30	
5	Pháp lý doanh nghiệp và pháp luật kinh doanh	124264	4/60	

Stt	Tên học phần	Mã số học phần	Tổng Tín chỉ/tiết	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
6	Chuyên đề Tọa đàm thực tiễn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	124263	4/60	
b.	Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)		4/60	
1	Quản lý Logistics cảng biển quốc tế	124255	2/30	124247(a)
2	Vận tải biển quốc tế	124256	2/30	124247(a)
3	Quản lý Logistics cảng hàng không	124257	2/30	124247(a)
4	Vận tải hàng không quốc tế	124258	2/30	
	Học kỳ 3		20/300	
1	Thực tập 1	124267	6/90	
2	Thực tập 2	124268	3/45	
3	Chuyên đề Hướng dẫn thực hiện Đề án tốt nghiệp	124259	2/30	124245(a)
4	Đề án tốt nghiệp	124260	9/135	124245(a)
	Tổng cộng		60/900	

3.9.2. Phân công giảng dạy

a. Phân công giảng dạy đào tạo định hướng nghiên cứu

Stt	Tên học phần	Mã số học phần	Tổng Tín chỉ/tiết	Giảng viên (dự kiến)
I	Học kỳ 1		20/300	
1	Triết học	060018	4/60	TS. Lê Kinh Nam
2	Quản trị vận tải đa phương thức	124253	4/60	TS. Lê Phúc Hòa
3	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	124249	4/60	GS.TS. Hoàng Văn Châu
4	Quản lý giao nhận vận tải quốc tế	124247	4/60	TS. Triệu Hồng Cẩm
5	Phân tích dữ liệu kinh doanh	124248	4/60	TS. Nguyễn Thị Đức Loan
II	Học kỳ 2		20/300	
a.	Học phần bắt buộc		16/240	
1	Hải quan trong thương mại quốc tế	124254	2/30	TS. Trần Nguyên Chất
2	Bảo hiểm vận tải quốc tế	124246	2/30	TS. Lê Phúc Hòa
3	Quản trị xuất nhập khẩu	124245	2/30	GS.TS. Hoàng Văn Châu

4	Quản trị kho hàng và trung tâm logistics	124252	2/30	TS. Nguyễn Văn Hinh
5	Pháp lý doanh nghiệp và pháp luật kinh doanh	124264	4/60	TS. Triệu Hồng Cẩm
6	Chuyên đề Hội nhập kinh tế quốc tế	124266	2/30	GS.TS. Hoàng Văn Châu
7	Chuyên đề Phương pháp nghiên cứu khoa học	124244	2/30	TS. Lê Thị Vĩnh Thanh
b.	Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)		4/60	
1	Quản lý Logistics cảng biển quốc tế	124255	2/30	TS. Mai Xuân Thiệu
2	Vận tải biển quốc tế	124256	2/30	TS. Lê Phúc Hòa
3	Quản lý Logistics cảng hàng không	124257	2/30	TS. Triệu Hồng Cẩm
4	Vận tải hàng không quốc tế	124258	2/30	TS. Hà Minh Hiếu
	Học kỳ 3		20/300	
1	Chuyên đề Xu thế phát triển của Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	124265	3/45	TS. Mai Xuân Thiệu
2	Chuyên đề Phương pháp viết Luận văn thạc sĩ	124262	2/30	TS. Nguyễn Thị Đức Loan
3	Luận văn thạc sĩ	124261	15/225	Khoa Kinh tế biển – Logistics
	Tổng cộng		60/900	

b. Phân công giảng dạy đào tạo định hướng ứng dụng

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Tổng tín chỉ/tiết	Giảng viên (dự kiến)
I	Học kỳ 1		20/300	
1	Triết học	060018	4/60	TS. Lê Kinh Nam
2	Quản trị vận tải đa phương thức	124253	4/60	TS. Lê Phúc Hòa
3	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	124249	4/60	GS.TS. Hoàng Văn Châu
4	Quản lý giao nhận vận tải quốc tế	124247	4/60	TS. Triệu Hồng Cẩm
5	Phân tích dữ liệu kinh doanh	124248	4/60	TS. Nguyễn Thị Đức Loan
II	Học kỳ 2		20/300	
a.	Học phần bắt buộc		16/240	
1	Hải quan trong thương mại quốc tế	124254	2/30	TS. Trần Nguyên Chất

Stt	Tên học phần	Mã học phần	Tổng tín chỉ/tiết	Giảng viên (dự kiến)
2	Bảo hiểm vận tải quốc tế	124246	2/30	TS. Lê Phúc Hòa
3	Quản trị xuất nhập khẩu	124245	2/30	GS.TS. Hoàng Văn Châu
4	Quản trị kho hàng và trung tâm logistics	124252	2/30	TS. Nguyễn Văn Hinh
5	Pháp lý doanh nghiệp và pháp luật kinh doanh	124264	4/60	TS. Triệu Hồng Cẩm
6	Chuyên đề Tọa đàm thực tiễn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	124263	4/60	TS. Mai Xuân Thiệu
b.	Học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)		4/60	
1	Quản lý Logistics cảng biển quốc tế	124255	2/30	TS. Mai Xuân Thiệu
2	Vận tải biển quốc tế	124256	2/30	TS. Lê Phúc Hòa
3	Quản lý Logistics cảng hàng không	124257	2/30	TS. Triệu Hồng Cẩm
4	Vận tải hàng không quốc tế	124258	2/30	TS. Hà Minh Hiếu
	Học kỳ 3		20/360	
1	Thực tập 1	124267	6/90	Khoa Kinh tế biển – Logistics
2	Thực tập 2	124268	3/45	Khoa Kinh tế biển – Logistics
3	Chuyên đề Hướng dẫn thực hiện Đề án tốt nghiệp	124259	2/30	TS. Mai Xuân Thiệu
4	Đề án tốt nghiệp	124260	9/135	Khoa Kinh tế biển – Logistics
	Tổng cộng		60/900	

3.10. Mô tả tóm tắt các học phần

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng tín chỉ/tiết	Mô tả tóm tắt học phần	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
1	060018	Triết học	4/60	<p>- Phân tích các nội dung về đặc trưng của triết học phương Tây, triết học phương Đông (trong đó có tư tưởng triết học Việt Nam, ở mức giản lược nhất).</p> <p>- Phân tích các nội dung nâng cao về triết học Mác - Lê nin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó.</p> <p>- Phân tích sâu hơn vào quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và đối với việc nhận thức, giảng dạy và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ.</p> <p>Phân tích những vấn đề về vai trò của các khoa học đối với đời sống xã hội.</p>	
2	124253	Quản trị vận tải đa phương thức	4/60	Giới thiệu những kiến thức tổng quan về vận tải đa phương thức cũng như cơ sở pháp lý của vận tải đa phương thức. Học phần cũng đưa ra những yêu cầu cần và đủ để xây dựng và phát triển vận tải đa phương thức. Giới thiệu một số mô hình vận tải đa phương thức thường gặp.	
3	124249	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	4/60	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về hệ thống chuỗi cung ứng, và quản trị chiến lược chuỗi cung ứng thông qua việc giới thiệu cho người học những khái niệm, hoạt động, tác động của thông tin cũng như cách đo lường hiệu quả và xây dựng chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp. Đồng thời thông qua học phần, người học có được những hiểu biết về quản trị chiến lược chuỗi cung ứng, mô hình quản trị chiến lược chuỗi cung ứng hiện nay và xu hướng phát triển chuỗi cung ứng toàn cầu.	
4	124247	Quản lý giao nhận vận tải quốc tế	4/60	Giới thiệu tóm tắt các quy định liên quan người giao nhận vận tải quốc tế và nghiệp vụ giao nhận vận tải quốc tế, các nội dung, nghiệp vụ cụ thể về giao nhận vận tải quốc tế và những hình thức tổ chức giao nhận vận tải hiện đại.	

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng tín chỉ/tiết	Mô tả tóm tắt học phần	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
5	124248	Phân tích dữ liệu kinh doanh	4/60	Để nghiên cứu học phần này, học viên phải có kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh logistics. Nội dung học phần này trang bị cho học viên những kiến thức về các phương pháp phân tích các hoạt động kinh tế - tài chính trong các công ty logistics, công ty vận tải biển và cảng biển.	
6	124254	Hải quan trong thương mại quốc tế	2/30	Hải quan trong thương mại quốc tế là tổng hợp phân tích hoạt động hải quan trong thương mại quốc tế, chống gian lận thương mại, góp phần phát triển ngoại thương. Sau khi hoàn tất học phần học viên có khả năng nắm vững hơn về hoạt động Hải quan trong thương mại quốc tế góp phần phát triển chuỗi cung ứng toàn cầu hiệu quả.	124247(a)
7	124246	Bảo hiểm vận tải quốc tế	2/30	Giới thiệu những kiến thức tổng quan các nội dung về vai trò, sự cần thiết của bảo hiểm đối với hoạt động kinh doanh vận tải quốc tế. Bảo hiểm hàng hải, các hình thức và điều kiện bảo hiểm đối với hàng hóa XNK, các quy trình thực hiện bảo hiểm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu vận tải đường biển quốc tế	
8	124245	Quản trị xuất nhập khẩu	2/30	Quản trị xuất nhập khẩu cung cấp các kiến thức về những phương pháp mua bán quốc tế, những điều kiện thương mại quốc tế, giới thiệu một số phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu và phương pháp lập hợp đồng ngoại thương và các vấn đề liên quan tới chứng từ xuất nhập khẩu.	124247(a)
9	124252	Quản trị kho hàng và trung tâm logistics	2/30	Giới thiệu quy trình quản lý kho hàng và trung tâm logistics. Các quy trình giao, nhận hàng hóa. Các quy trình bảo quản hàng hóa. Quy trình đóng gói, cũng như nắm rõ cách sử dụng quản lý các thiết bị trong kho hàng và trung tâm logistics.	124247(a)
10	124164	Pháp lý doanh nghiệp và pháp luật kinh doanh	4/60	Giới thiệu Luật Doanh nghiệp hiện hành và pháp luật kinh doanh với mục tiêu kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật. Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp được thể hiện trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định quyền và nghĩa vụ của doanh	

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng tín chỉ/tiết	Mô tả tóm tắt học phần	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
				ngành khi tham gia vào các chuỗi cung ứng và quá trình giao nhận vận tải quốc tế.	
11	124255	Quản lý Logistics cảng biển quốc tế	2/30	Cảng biển là một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng. Xác định tính hiệu quả của cả quá trình giao nhận vận tải quốc tế. Vì vậy nghiên cứu quản lý Logistics cảng biển quốc tế là học phần rất cần thiết cho nhà hoạch định chính sách phát triển logistics nói chung và quản lý cảng biển nói riêng. Quản lý Logistics cảng biển quốc tế là học phần nghiên cứu quá trình khai thác cảng biển sao cho hiệu quả và tối ưu trong việc kết nối với các phương thức vận tải khác.	124247(a)
12	124256	Vận tải biển quốc tế	2/30	Hệ thống hóa kiến thức về các hoạt động tổ chức, khai thác vận tải biển quốc tế và những thách thức mà các doanh nghiệp logistics, vận tải, giao nhận phải đối mặt. Cung cấp các kỹ năng tổ chức, quản lý, thực hiện các hoạt động vận tải và xử lý các vấn đề phát sinh trong các hoạt động này.	124247(a)
13	124257	Quản lý Logistics cảng hàng không	2/30	Quản lý logistics cảng hàng không là học phần giới thiệu tới học viên kiến thức về logistics cảng hàng không. Những nội dung cơ bản của học phần bao gồm: khái quát về hoạt động logistics cảng hàng không; cơ sở vật chất phục vụ vận tải hàng hóa đường hàng không; công tác tổ chức quản lý và tính kinh tế của hoạt động logistics cảng hàng không, công tác bảo hiểm trong vận tải hàng không.	124247(a)
14	124258	Vận tải hàng không quốc tế	2/30	Giới thiệu tóm tắt các yếu tố liên quan đến Vận tải hàng không quốc tế. Các đặc điểm, thực trạng và ưu nhược điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Vận tải hàng không quốc tế. Học phần nghiên cứu Vận tải hàng không quốc tế và cơ sở vật chất vận tải hàng không quốc tế, các phương thức thuê tàu bay, các loại tàu bay. Tổng quan vận tải hàng không quốc tế, vai trò của đường hàng không, các chỉ tiêu vận chuyển hàng hóa, hành khách, cách tính cước phí trong vận tải hàng hóa bằng đường hàng không quốc tế.	

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng tín chỉ/tiết	Mô tả tóm tắt học phần	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
15	124265	Chuyên đề xu thế phát triển của Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3/45	Chuyên đề xu thế phát triển của Logistics và quản lý chuỗi cung ứng là giới thiệu và thảo luận về xu thế phát triển của logistics và quản lý chuỗi cung ứng, giải quyết tình huống trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng bao gồm về chuỗi cung ứng toàn cầu, vấn đề thương mại điện tử, trí tuệ nhân tạo... trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng và các quy định liên quan giao nhận vận tải quốc tế, các nội dung, nghiệp vụ cụ thể về giao nhận vận tải quốc tế.	
16	124264	Chuyên đề Hội nhập kinh tế quốc tế	2/30	Chuyên đề Hội nhập kinh tế quốc tế là thảo luận về kinh tế quốc tế theo một cách chặt chẽ hơn, là việc gắn kết mang tính thể chế giữa các nền kinh tế lại với nhau. Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình chủ động thực hiện đồng thời hai việc: Một là gắn nền kinh tế và thị trường từng nước với thị trường khu vực và thế giới thông qua các nỗ lực thực hiện mở cửa và thúc đẩy tự do hóa nền kinh tế quốc dân; Hai là nền kinh tế gia nhập và góp phần xây dựng các thể chế kinh tế khu vực và toàn cầu.	
17	124244	Chuyên đề Phương pháp nghiên cứu khoa học	2/30	Là học phần cơ sở của chương trình đào tạo cao học, cung cấp cho các học viên các kiến thức về các phương pháp NCKH, phương pháp lựa chọn một đề tài NCKH, cách trình bày và bảo vệ một công trình KH, cách viết một đề án, luận văn, báo cáo khoa học.	
18	124262	Chuyên đề Phương pháp viết Luận văn thạc sĩ	2/30	Theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ Ban hành kèm theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT (Có hiệu lực từ 15/10/2021) quy định về hướng dẫn luận văn như sau: 1. Học viên theo học chương trình định hướng nghiên cứu phải thực hiện một đề tài nghiên cứu có khối lượng từ 12 đến 15 tín chỉ, kết quả được thể hiện bằng luận văn. Học viên thực hiện luận văn trong thời gian ít nhất 06 tháng.	124245(a)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng tín chỉ/tiết	Mô tả tóm tắt học phần	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
				<p>2. Luận văn là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên, đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên;</p> <p>b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;</p> <p>c) Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liên chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.</p> <p>3. Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn luận văn, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của cơ sở đào tạo. Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 05 học viên (tính cả số học viên thực hiện học phần tốt nghiệp của chương trình định hướng ứng dụng); trường hợp đồng hướng dẫn 02 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 học viên.</p>	
19	124261	Luận văn thạc sĩ	15/225	Luận văn thạc sĩ là một công trình khoa học độc lập của học viên cao học, là một yêu cầu bắt buộc nhằm đánh giá khả năng của học viên trong việc ứng dụng các nội dung môn học trong chương trình để giải quyết một vấn đề mang tính thực tiễn hoặc thực hiện một nghiên cứu mang tính học thuật.	124245(a)
20	124263	Chuyên đề Tọa đàm thực tiễn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	4/60	Giới thiệu và thảo luận thực tiễn về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng bao gồm các vấn đề về thực trạng ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng hiện nay, hệ thống ngành logistics, các hình thức tổ chức logistics và quản lý chuỗi cung ứng phương hướng phát triển ngành logistics của Việt Nam và thế giới.	
21	124264	Thực tập 1	6/90	Thực tập 1 Giải quyết tình huống trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các công ty logistics, công ty xuất nhập khẩu, công ty giao nhận vận tải quốc tế, dịch vụ khách hàng và các quy định liên quan giao nhận vận tải quốc tế, các nội	



Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng tín chỉ/tiết	Mô tả tóm tắt học phần	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)
				dung, nghiệp vụ cụ thể về giao nhận vận tải quốc tế.	
22	124259	Thực tập 2	3/45	Thực tập 2 thạc sĩ là hoạt động thực tế về logistics tại các cảng biển, sân bay, hải quan... công ty vận tải, đại lý vận tải, đại nhằm nghiên cứu thực tế từ đó đưa ra những kiến nghị và rút ra kinh nghiệm học hỏi được của học viên từ quá trình đi thực tế. Sau khi thực tập học viên có khả năng nắm vững hơn về hoạt động logistics của doanh nghiệp giúp cho học viên viết báo cáo thực hiện đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu thực tiễn.	124245(a)
23	124259	Chuyên đề Hướng dẫn thực hiện Đề án tốt nghiệp	2/30	Chuyên đề Hướng dẫn thực hiện Đề án tốt nghiệp (định hướng ứng dụng) là hướng dẫn học viên tìm mục phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong thực tiễn hoạt động kinh doanh. Hướng dẫn việc thực hiện đề án tốt nghiệp được thiết kế nhằm giúp học viên vận dụng một cách khoa học và sáng tạo các kiến thức chuyên môn vào quá trình nhận diện, phân tích, giải quyết các vấn đề trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng một cách tối ưu và hiệu quả.	124245(a)
24	124260	Đề án tốt nghiệp	9/135	Đề án thạc sĩ Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (định hướng ứng dụng) hướng đến mục tiêu cốt lõi là giúp học viên phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong thực tiễn hoạt động kinh doanh. Trên cơ sở đó, việc thực hiện đề án tốt nghiệp được thiết kế nhằm giúp học viên vận dụng một cách khoa học và sáng tạo các kiến thức chuyên môn vào quá trình nhận diện, phân tích, giải quyết các vấn đề trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng một cách hiệu quả. Quá trình thực hiện đề án giúp học viên củng cố và nâng cao kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực nghiên cứu, đồng thời phát triển phương pháp tư duy logic và tư duy sáng tạo trên nền tảng lý thuyết khoa học.	124245(a)

3.11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

3.11.1. Phương pháp và phương thức giảng dạy

- Phương pháp giảng dạy:

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy vai trò chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được CDR của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong Đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và CDR của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

- Phương thức giảng dạy:

Kết hợp phương thức dạy học trực tiếp và trực tuyến.

3.11.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiên bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo.

Hình thức đánh giá kết quả học tập được quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo hiện hành, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá học phần, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và đào tạo và của Nhà trường.

3.11.3. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ của chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.11.4. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, hệ thống thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.12. Đề cương chi tiết học phần

(Đính kèm).

PHẦN 4. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Địa chỉ Website: [http:// www.bvu.edu.vn/](http://www.bvu.edu.vn/)

Trang thông tin được thường xuyên cập nhật những thông tin hoạt động diễn ra trong trường. Trên đó: Trường công bố các điều kiện đảm bảo chất lượng (theo Thông tư số 36/2017/TT- BGDDT ngày 28/12/2017), kết quả kiểm định chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại mục “Đảm bảo chất lượng”. Thông tin học viên tốt nghiệp có thể được tra cứu nhanh chóng, tỉ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp được khảo sát và công bố hàng năm; Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra được công bố cho học viên biết; mức học phí được công bố theo khóa học.

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Từ các căn cứ khoa học cũng như thực trạng đào tạo và nhu cầu nhân lực ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; với sự chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên và cơ sở vật chất, Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu kính đề nghị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ thạc sĩ – Mã ngành 8510605 kể từ năm 2023.

3. Cam kết triển khai thực hiện

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu cam kết thực hiện đúng các yêu cầu của Bộ GD&ĐT, đảm bảo chất lượng đào tạo.

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 31. tháng 11. năm 2023

HIỆU TRƯỞNG *Ph*

Nơi nhận:

- Bộ GD & ĐT;
- HĐ Trường, BGH;
- Lưu: VSDH, Khoa, VT.



PGS.TS.LS Nguyễn Thị Hoài Phương



PHỤ LỤC 01

Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức

Nội dung	Diễn giải	Các học phần bổ sung kiến thức		Ghi chú	
		Tên học phần	Số tín chỉ		
1. Ngành đại học phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)					
	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.	Không	Không	<i>Những thí sinh tốt nghiệp các ngành ở bậc đại học trong thời gian trước đây không có trong danh mục đào tạo ở Việt Nam hoặc tốt nghiệp vào những năm trước với chương trình cũ hoặc khác với các ngành nêu trên thì Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ căn cứ vào bảng kết quả học tập của thí sinh để xem xét và kiến nghị Hiệu trưởng xem xét và quyết định cho từng trường hợp cụ thể</i>	
2. Ngành đại học phù hợp (Có học bổ sung kiến thức)					
Nhóm 1	Khai thác vận tải; Kinh tế vận tải; Quản lý công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Quản trị kinh doanh; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại.	- Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3		
		- Quản trị mua hàng trong chuỗi cung ứng	3		
Nhóm 2	Các ngành thuộc các lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật; Kinh doanh và quản lý; Toán và thống kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Kỹ thuật	- Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3		
		- Quản trị mua hàng trong chuỗi cung ứng	3		
		- Kinh tế học	3		
		- Quản trị học	3		



PHỤ LỤC 02

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ

Stt	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140 – 159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 - 399 Đọc: 275 - 384 Nói: 120 - 159 Viết: 120 - 149	Nghe: 400 - 489 Đọc: 385 - 454 Nói: 160 - 179 Viết: 150 - 179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300 - 399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400 - 499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe - Zertifikat B1	Goethe - Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ - 2